

Số: 124/CTN1-KH

Phủ Thọ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Số I Vĩnh Phúc năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Số I Vĩnh Phúc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500155742, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08/09/2023.
- Vốn điều lệ: 111.686.760.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 151.057.004.792 đồng (căn cứ theo khoản mục vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán).
- Địa chỉ: Số 14 đường Lý Bôn, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Số điện thoại: 0211 3861 229
- Số fax: 0211 3860 493
- Website: www.vinhphucwater.com.vn
- Mã cổ phiếu: VPW

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần cấp thoát nước số I Vĩnh Phúc, tiền thân là Nhà máy nước Vĩnh Yên được thành lập vào năm 1963 nhằm cung cấp nước sạch cho nhân dân thị xã Vĩnh Yên với công suất 1.700m³/ngày đêm.
- Ngày 24/03/1995, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 437/QĐ-UB đổi tên Nhà máy nước Vĩnh Yên thành Công ty cấp nước Vĩnh Yên với công suất 4.000 m³/ngày đêm.
- Ngày 23/09/1999, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 2489/QĐ-UB đổi tên Công ty cấp nước Vĩnh Yên thành Công ty cấp thoát nước & môi trường số 1 Vĩnh Phúc. Đồng thời, UBND tỉnh Vĩnh Phúc quyết định nâng công suất hoạt động của hệ thống cấp nước Vĩnh Yên lên 16.000m³/ngàyđêm. Công ty được tiếp nhận lại và cải tạo hệ thống cấp nước cho khu Tam Đảo với công suất 2.600m³/ngàyđêm. Tổng công suất hoạt động giai đoạn này là 18.600m³/ngày đêm.
- Năm 2007, Công ty đầu tư nâng công suất hệ thống cấp nước Vĩnh Yên từ 16.000m³/ngàyđêm lên 20.000m³/ngày đêm.

- Năm 2008, Công ty tiếp tục nhận bàn giao hệ thống cấp nước huyện Yên Lạc công suất 3.000m³/ngày đêm; hệ thống cấp nước huyện Lập Thạch công suất 2.000m³/ngày đêm.

- Ngày 22/09/2008, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 3421/QĐ-CT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty cấp thoát nước và môi trường số I Vĩnh Phúc.

- Năm 2009, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 2224/QĐ-CT ngày 20/07/2009 về việc chuyển Công ty cấp thoát nước và môi trường số 1 Vĩnh Phúc thành công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 68.255.000.000 đồng. Ngày 03/08/2009, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500155742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 03/08/2009.

- Năm 2010, Công ty góp vốn đầu tư hệ thống cấp nước cho các khu công nghiệp huyện Tam Dương với công suất 20.000 m³/ngày đêm.

- Năm 2011, Công ty tăng vốn điều lệ lên 94.441.500.000 đồng do ngân sách nhà nước cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho dự án công trình tuyến ống cấp nước DN315 cho Khu Công nghiệp Bình Xuyên II (giai đoạn 1) năm 2010.

- Năm 2016, Công ty tăng vốn điều lệ lên 111.686.760.000 đồng do tăng vốn ngân sách nhà nước cấp cho các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và nhận bàn giao tài sản Nhà máy nước Lập Thạch.

- Đến năm 2025, sau 62 năm xây dựng và phát triển, hiện nay Công ty cổ phần cấp thoát nước số I Vĩnh Phúc có 05 Nhà máy nước với tổng công suất khai thác là 70.100m³/ ngày đêm gồm: Nhà máy nước Vĩnh Yên (Hợp Thịnh công suất 12.000m³/ ngày đêm; Ngô Quyền 5.000m³/ngày đêm); Nhà máy nước Tam Đảo công suất 2.600m³/ ngày đêm; Nhà máy nước Yên Lạc công suất 2.500m³/ ngày đêm; Nhà máy nước Lập Thạch công suất 3.000m³/ ngày đêm; Nhà máy nước Việt Xuân với công suất 45.000m³/ ngày đêm.

Hiện nay, Công ty đang cung cấp nước sạch cho hơn 51.000 khách hàng trên các địa bàn phường, xã của tỉnh Phú Thọ; Quản lý gần 683.000 mét (683km) đường ống có đường kính từ DN50 - DN700.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và phân phối nước sạch.
- Quản lý, khai thác và xử lý nước thải, xử lý chất thải đô thị
- Tư vấn thiết kế công trình cấp, thoát nước.
- Mua bán vật tư thiết bị ngành nước, điện và xây dựng.
- Xây dựng công trình đường dây điện đến 35KV và trạm biến áp đến 560KVA.
- Xây lắp công trình cấp thoát nước, lắp đặt và sửa chữa đường ống cấp thoát nước.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật
- Sản xuất và mua bán nước lọc tinh khiết đóng chai.
- Cho thuê địa điểm làm văn phòng, cửa hàng, kho bãi.

- Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, thiết bị phá dỡ có kèm theo người điều khiển.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Nhà hàng, thương mại;

3.2. Địa bàn kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh tập trung tại địa bàn Tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc cũ).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị.

Công ty có mô hình tổ chức quản lý theo điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

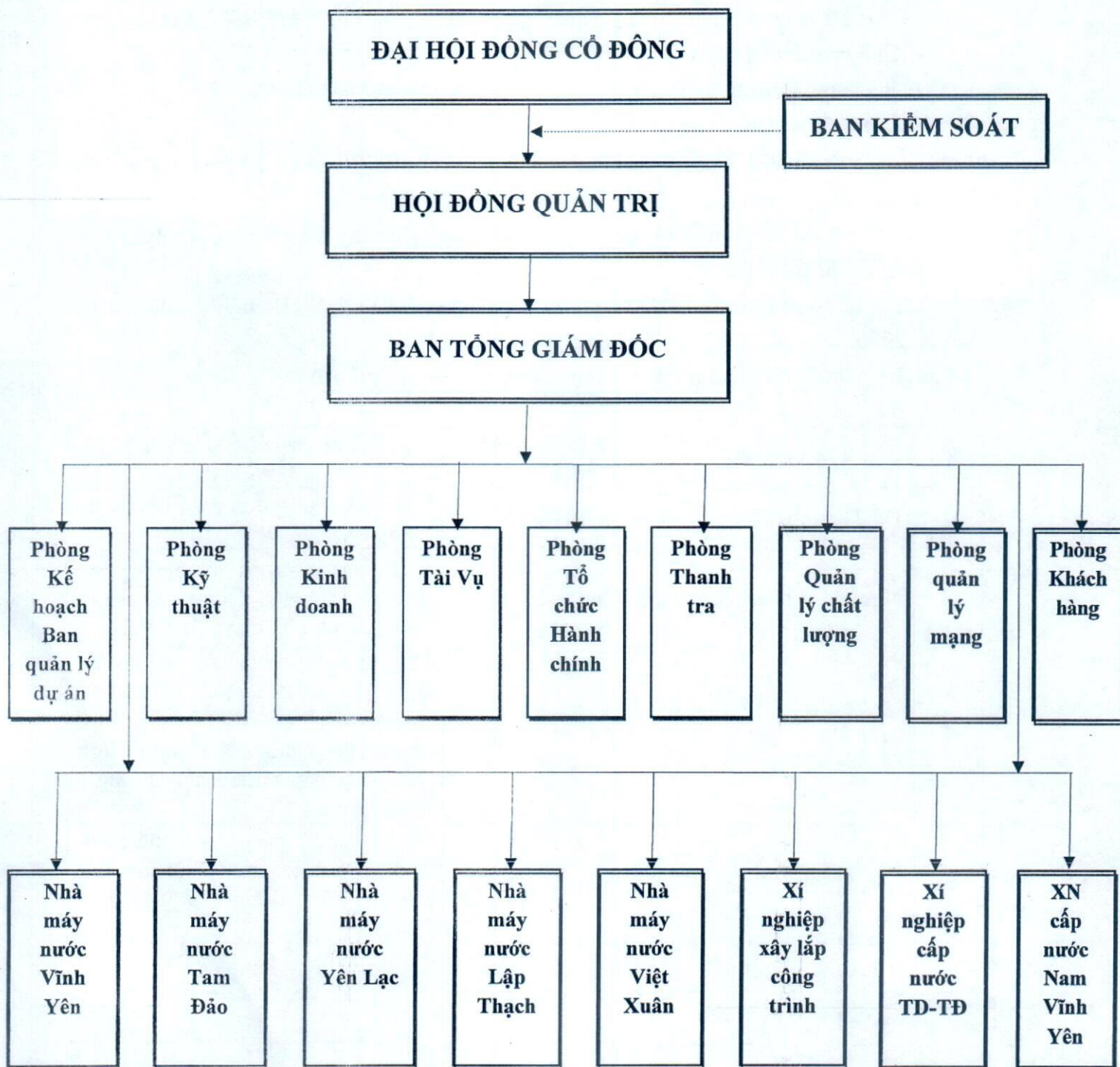
4.1.1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh đảm nhiệm	Lĩnh vực phụ trách tại Công ty
1	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	Chỉ đạo chung mọi hoạt động của Công ty.
2	Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT	Chỉ đạo phụ trách các phòng ban đơn vị: TC-HC, Tài vụ, Quản lý chất lượng, nhà máy Vĩnh Yên.
3	Trần Duy Thập	Thành viên HĐQT	Chỉ đạo phụ trách các phòng ban đơn vị: Kinh doanh, Quản lý mạng, nhà máy Việt Xuân, Tam Đảo, Lập Thạch, XN Nam Vĩnh Yên, XN cấp nước Tam Dương - Tam Đảo.
4	Lê Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	Chỉ đạo phụ trách các phòng ban đơn vị: Kế hoạch, Thanh tra, XN xây lắp công trình, Nhà máy Yên Lạc.
5	Vũ Xuân Phương	Thành viên HĐQT	Trưởng phòng Kinh doanh

4.1.2. Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh đảm nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Quách Việt Hùng	Trưởng ban	Kỹ sư xây dựng
2	Nguyễn Thị Thúy	Thành viên	Cử nhân kinh tế
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên	Cử nhân kinh tế

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3. Các công ty con, công ty liên kết, tham gia góp vốn

Công ty liên kết: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc

- Địa chỉ: Khu 3, thôn Quang Trung, Xã Tam Dương Bắc, Tỉnh Phú Thọ.

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước

- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)

- CTCP cấp thoát nước số I Vĩnh Phúc là cổ đông lớn với cổ phần góp 23,75% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là: 19.000.000.000 đồng (Mười chín tỷ đồng).

5. Định hướng phát triển:

5.1. Định hướng chung:

- Giữ ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm chính cung cấp nước sạch, thi công lắp đặt các công trình cấp thoát nước.
- Mở rộng địa bàn kinh doanh: Cung cấp nước sạch cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Tập trung khai thác nguồn nước mặt, đảm bảo ổn định nguồn nước thô, đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng.
- Nghiên cứu áp dụng những tiên bộ khoa học phục vụ cho sản xuất.

5.2. Kế hoạch phát triển:

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1409/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 26/6/2023 và các văn bản chỉ đạo khác, Công ty tập trung nguồn lực tài chính để thực hiện đầu tư cấp nước cho các địa phương thuộc vùng cấp nước đã được giao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cũ như:

- Tiếp tục thi công mạng lưới đường ống cấp nước sạch thị trấn Hợp Châu, Tam Đảo ; Thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên;
- Tiếp tục thi công đường ống cấp nước sạch xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên;
- Mạng lưới đường ống cấp nước sạch xã An Hòa, huyện Tam Dương;
- Mạng lưới đường ống cấp nước Thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương;
- Mạng lưới đường ống cấp nước xã Hoàng An (khu vực Hoàng Lô, Hoàng Đan);
- Lắp đặt đường ống dịch vụ bổ sung mạng cấp nước xã Thanh Trù;
- Hệ thống cấp nước sạch thôn Lạc Ý, phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ;
- Đường ống cấp nước cho Lô CN17-KCN Khai Quang 2;
- Mạng lưới đường ống cấp nước cho thôn Hương Đà, xã Bình Xuyên;
- Đường ống cấp nước sạch từ nút giao đường vành đai 2 với QL2B đến đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Phúc, Phú Thọ;
- Tuyến ống từ TBTA Kim Long đến QL2B;
- Cải tạo nhà làm việc 4 tầng Công ty;
- Cải tạo văn phòng NMN Tam Đảo;
- Cải tạo NMN Yên Lạc; đường dây điện từ trạm biến áp Yên Lạc đến giếng Yên Lạc 3;
- Tiếp tục xây dựng bể chứa nước sạch 2.000m³ trạm tăng áp Kim Long;
- Nâng công suất TBTA Khai Quang 2 lên 20.000m³/ngđ;
- Cải tạo hệ thống bơm bổ sung nước thô cho TB cấp 1 vào mùa khô NMN Việt Xuân; Cải tạo hệ thống điện;
- Cải tạo các trạm biến áp HT1, HT2, H3, H5, H8, H11; Hệ thống xử lý bùn cặn NMN Vĩnh Yên;
- Đường ống cấp nước nối từ TL305 (Xuân Lôi) đi tỉnh lộ 306 (Long Cương);
- Tăng cường giải pháp chống thất thoát, phân đấu tỷ lệ thất thoát ổn định dưới 11,5%.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro về luật pháp: Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển, mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn. Đồng thời, hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực.

- Rủi ro do thay đổi tỷ giá ngoại tệ: Việc điều chỉnh chênh lệch tỷ giá ngoại tệ đồng USD sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, vì hiện nay một phần lớn giá trị tài sản của Công ty được đầu tư bằng nguồn vốn vay ODA.

- Rủi ro thất thoát nước: Có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do tổ chức, các nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo, đòi hỏi Công ty phải áp dụng các biện pháp nhằm sửa chữa, nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại, song song với việc siết chặt quản lý cán bộ, công nhân viên và các cá nhân, tổ chức có liên quan trong quá trình đưa nước vào sử dụng.

- Rủi ro biến động giá cả: Đặc thù của ngành cấp nước là ngành dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề này cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước ấn định để hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành ra các khung giá nước áp dụng cho các khu vực và các đối tượng khác nhau, chính vì thế mà giá bán nước đôi lúc chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả chung, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.

- Rủi ro gia tăng chi phí sản xuất: Nhìn chung, chất lượng nguồn nước ngày càng có xu hướng giảm sút do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa cũng như ảnh hưởng chất thải sinh hoạt do ý thức của người dân về môi trường chưa cao, tại một số khu vực công nghiệp phát triển nhanh, nguồn nước ngầm cũng đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm, do đó làm tăng chi phí xử lý nước ngày càng cao, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước.

- Rủi ro do nhiều hộ khách hàng còn sử dụng nước ngầm, một số doanh nghiệp còn khoan giếng ngầm một cách không minh bạch.

- Rủi ro về môi trường: Ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật do một số giếng nằm trong khu vực sản xuất nông nghiệp, khu vực dân cư đổ rác thải, ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của con người chảy vào cống rãnh ngấm xuống lòng đất, hoạt động sản xuất nông nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi,...

- Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro trên, Công ty còn chịu các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn: Mưa lũ lụt làm gãy hỏng đường ống truyền dẫn, xác cây cối sinh vật phân hủy thành chất hữu cơ ngấm vào nguồn nước, độ đục nguồn nước khó kiểm soát, sét đánh cháy hệ thống bảo vệ trạm, cháy động cơ vận hành khi điện áp thấp...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		
			Kế hoạch	Thực hiện	%TH/ KH
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tr.đồng	38.099,4	43.492,2	114,1
2	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	239.618,5	263.890,2	110,1
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	235.011,0	254.712,6	108,4
4	Nộp ngân sách (trđ)	Tr.đồng	19.575,8	23.111,2	118,0
5	Lao động bình quân	Người	254	244	96
6	Sản lượng nước sản xuất	m ³	21.019.569	22.877.579	108,8
7	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	18.579.472	20.086.066	108,1
8	Thu nhập bình quân	1000đ/ng/th	13.200	13.500	102,3
9	Tỷ lệ thất thoát	%	11,61	11,57	99,6
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	7.082,8	7.522,7	106,2

Nguồn: CTCP Cấp thoát nước số I Vĩnh Phúc

Có thể khẳng định, năm 2025 mặc dù công ty Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức như: Phải trả nợ dự án CP2, giá vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng, nguồn nước ô nhiễm, cạn kiệt, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thu hẹp, mở rộng sản xuất dẫn đến sản lượng tiêu thụ không ổn định, các cơ quan nhà nước sáp nhập, chuyển đến địa điểm mới phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ chính trị xã hội trong việc cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất kinh doanh, vừa nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách nhân sự Ban điều hành trong năm 2025:

TT	Họ và tên	Chức danh đảm nhiệm	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Khánh	Tổng giám đốc	Thạc sỹ môi trường, KS cấp thoát nước	20.600	0,184
2	Lê Thị Kim Thanh	Phó Tổng giám đốc	Thạc sỹ QTKD, Cử nhân kinh tế	44.300	0,397
3	Trần Duy Thập	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/12/2025)	Cử nhân kinh tế	5.000	0,045
4	Bùi Thị Thúy Ngọc	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/12/2025)	Cử nhân kinh tế	9.200	0,082

TT	Họ và tên	Chức danh đảm nhiệm	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
5	Nguyễn Mạnh Cường	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kế toán (Bổ nhiệm ngày 01/12/2025)	Cử nhân kinh tế	1.200	0,011

- Số lượng cán bộ, nhân viên.
+ Tổng số lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 244 người.
+ Thu nhập bình quân năm 2025 đạt: 13,5 triệu đồng/người/tháng
+ Công ty thực hiện việc ký kết Hợp đồng lao động với người lao động, duy trì được việc làm và thu nhập của người lao động, bảo đảm các chế độ đối với người lao động như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hộ lao động, các quyền của người lao động tham gia các tổ chức đoàn thể, xã hội. Hàng năm kết hợp với công đoàn tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2025 Công ty không phát sinh khoản đầu tư lớn nào.

3.2. Tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2025, Công ty thực hiện đầu tư mở rộng phạm vi hoạt động, đầu tư các công trình bằng nguồn vốn của Công ty, tình hình thực hiện các dự án theo khoản 5.2 mục I Báo cáo này.

3.3. Công ty liên kết:

Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc có vốn điều lệ 80.000.000.000 VND - thực hiện dự án cấp nước cho Khu công nghiệp Tam Dương, Công ty góp là 23,75% vốn điều lệ.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu (Triệu VND)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	330.226,8	307.361,9	-6,92%
2	Doanh thu thuần	217.995,6	259.912,7	19,23%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.395,6	7.499,4	17,26%
4	Lợi nhuận khác	1.654,7	1.678,2	1,42%
5	Lợi nhuận trước thuế	8.050,3	9.177,5	14,00%
6	Lợi nhuận sau thuế	6.558,1	7.552,8	15,17%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	17%	Dự kiến 30%	-

Nguồn: BCTC năm 2025 đã kiểm toán của CTCP Cấp thoát nước số I Vĩnh Phúc

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,3	1,9
-	Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,0	1,34
2	Cơ cấu vốn		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	0,55	0,50
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	1,23	1,03
3	Năng lực hoạt động		
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,14	9,79
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,7	0,8
4	Khả năng sinh lời		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,028
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu BQ	0,044	0,05
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	0,02	0,023
-	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,28

Nguồn: CTCP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc

5. Cơ cấu cổ đông, cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu vốn Nhà nước tính đến thời điểm 31/12/2025:

a/Cổ phần:

- Tổng số cổ phần	: 11.168.676 cổ phiếu
- Loại cổ phần đang lưu hành	: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 11.168.676 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phiếu

b/Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Theo loại hình sở hữu				
1	CĐ nhà nước	1	10.805.776	96,75%
2	CĐ là tổ chức	1	5.000	0,04%
3	CĐ là cá nhân	142	357.900	3,21%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CĐ lớn	1	10.805.776	96,75%
2	CĐ khác	143	362.900	3,25%

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	144	11.168.676	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	Tổng cộng	144	11.168.676	100%

c/Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2025, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d/Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2025, Công ty không tiến hành đợt mua/bán cổ phiếu quỹ nào.

e/Các chứng khoán khác:

Trong năm 2025, Công ty không có chứng khoán nào khác đang lưu hành.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty không có tác động xấu đến môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Nguồn nguyên vật liệu của Công ty là nước thô khai thác từ các giếng khoan để sản xuất nước sạch.

- Nước xả ra trong quá trình sản xuất được thu gom, xử lý và tái sử dụng thông qua hệ thống tuần hoàn về dây chuyền xử lý nước sạch, không xả ra môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất của Công ty là năng lượng điện. Công ty sử dụng điện để vận hành các máy móc thiết bị trong sản xuất.

- Trong năm 2025, Công ty đã tiêu thụ tổng cộng **8.939.411kw điện**.

- Công ty đã thực hiện các giải pháp để tiết kiệm năng lượng như: lắp đặt các máy biến tần để tiết kiệm điện năng cho hệ thống máy bơm khai thác và cấp nước, lắp đặt các loại hệ thống chiếu sáng tiết kiệm điện năng; Cải tạo hệ thống máy bơm; Bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị,...

6.4. Tiêu thụ nước

Công ty tự sản xuất nước sạch để sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ lượng nước xả thải trong quá trình sản xuất nước được thu gom, xử lý và tái sử dụng thông qua hệ thống tuần hoàn về dây chuyền xử lý nước sạch hiện có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, trong năm 2025 Công ty không có vi phạm liên quan đến tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động (tại thời điểm 31/12/2025): 244 người;

- Thu nhập bình quân: 13,5 triệu đồng/người/tháng.

- Người lao động được hưởng chính sách Đào tạo tại chỗ và tự đào tạo;

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

Trong năm, Công ty đã tích cực tham gia các chương trình xã hội như: Công tác từ thiện, Ủng hộ người nghèo; Ủng hộ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn,...những hoạt động

đó thể hiện tinh thần trách nhiệm, chia sẻ, tính nhân văn của tập thể người lao động và được Công ty duy trì thường xuyên.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty thực hiện các Báo cáo liên quan khi có hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu về doanh thu, sản phẩm chủ yếu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách,... vượt nhiều so với kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- + Doanh thu vượt 10,1% so với kế hoạch năm 2025.
- + Sản phẩm chủ yếu vượt 8,1% so với kế hoạch năm 2025.
- + Nộp ngân sách vượt 18% so với kế hoạch năm 2025.
- + Lợi nhuận sau thuế vượt 6,2% so với kế hoạch năm 2025.
- + Thu nhập bình quân vượt 2,3% so với kế hoạch năm 2025.
- + Tỷ lệ thất thoát năm 2025 là: 11,57 % Công ty có tỷ lệ thất thoát thấp trong toàn quốc;

2. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12/2025): 307.361,9 triệu đồng

Trong đó:

- + Tài sản ngắn hạn: 76.206,1 triệu đồng
- + Tài sản dài hạn: 231.155,9 triệu đồng
- Tổng nguồn vốn: 307.361,9 triệu đồng

Trong đó:

- + Nợ phải trả: 156.304,9 triệu đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu: 151.057 triệu đồng

Đánh giá:

a) Về tài sản:

- Tài sản dài hạn: 231.155,9 triệu đồng (75,21% Tổng tài sản)

Trong đó:

- + TSCĐ và đầu tư xây dựng: 188.183,9 triệu đồng
- + Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 19.000 triệu đồng
- + Tài sản dài hạn khác: 23.971,9 triệu đồng
- Tài sản ngắn hạn: 76.206,1 (24,79% Tổng tài sản)

Trong đó:

- + Các khoản phải thu ngắn hạn: 24.178,3 triệu đồng
- + Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 11.000,0 triệu đồng.

b) Về nguồn vốn:

- Nguồn vốn chủ sở hữu: 151.057,0 triệu đồng (49,15% nguồn vốn)
- Nợ phải trả: 156.304,9 triệu đồng (50,85% nguồn vốn)

Công ty hoạt động bằng nguồn vốn vay 50,85% tổng nguồn vốn; nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 49,15%. Trong đó nợ dài hạn chiếm 74,38% trong cơ cấu nợ vay, nợ thuê tài chính dài hạn còn phải trả là 28.530 triệu đồng.

Công ty có khả năng về nguồn vốn và tài chính bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như trong tương lai.

c) Về công nợ:

- Các khoản phải thu ngắn hạn: 24.178,3 triệu đồng

- Các khoản phải trả: 156.304,9 triệu đồng

Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 40.047 triệu đồng

+ Nợ dài hạn: 116.258 triệu đồng

Các khoản nợ phải thu bằng 31,73% tài sản ngắn hạn, nợ phải trả bằng 50,85% nguồn vốn. Công ty không có nợ quá hạn, các khoản nợ phải trả đều có khả năng thanh toán, các khoản nợ phải thu không phát sinh nợ khó đòi (có khả năng thu hồi).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm vừa qua, Công ty đã không ngừng đẩy mạnh công tác quản lý, tăng cường quản trị với nhiều chính sách và giải pháp phù hợp.

*** Công tác tài chính**

- Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảm bảo dòng vốn kinh doanh đủ, cơ cấu vốn vay dài hạn.

- Hoàn thành đúng quy định về công tác: chi trả cổ tức, chi trả tiền lương, tiền thưởng và các khoản chi khác cho người lao động.

- Thực hiện tốt chức năng tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo công ty trong việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trong công tác tài chính.

*** Công tác tổ chức, nhân sự và đào tạo**

- Duy trì việc thực hiện quy chế đánh giá CBCNV, thực hiện khen thưởng với các cá nhân xuất sắc.

- Tổ chức đào tạo và thi nâng bậc cho công nhân, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho toàn bộ công nhân viên đang trực tiếp thi công tại công trường, nhà máy.

- Công tác BHXH, BHYT, BHTN: 100% người lao động trong công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Từ những kết quả đạt được của năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Công ty đặt ra mục tiêu chủ yếu của năm 2026 là:

- Tiếp tục phát triển khách hàng, mở rộng vùng cấp nước các xã Bình Xuyên, Hoàng An, Tam Dương, Tam Đảo,..

- Nâng công suất các nhà máy;

- Tăng cường giải pháp chống thất thoát ổn định dưới 11,5%;

- Nâng cấp, bổ sung các tuyến ống cho các KCN trên địa bàn tỉnh;

- Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng sản phẩm.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty đã đảm bảo và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm liên quan đến chỉ tiêu môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã đảm bảo và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm liên quan đến vấn đề về người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Công ty đã đảm bảo và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm liên quan đối với cộng đồng và địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

1.1. Về sản xuất kinh doanh: Các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra đều hoàn thành tăng trưởng và phát triển, mở rộng được thị trường, tăng được sản lượng, bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập người lao động.

1.2. Về tình hình tài chính và quản lý, sử dụng vốn, tài sản: Công ty đã quản lý, sử dụng vốn, tài sản phục vụ hoạt động SXKD có hiệu quả, bảo đảm và phát triển vốn của cổ đông; cơ cấu vốn, tài sản hợp lý. Có khả năng phát triển bền vững và lâu dài.

1.3. Về hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư:

- Về đầu tư góp vốn cổ phần, cổ phiếu tại các công ty liên kết là đúng hướng, tập trung chủ yếu cho việc phát triển kinh doanh có hiệu quả cả về kinh tế và phát triển thị trường.

- Quản lý tổ chức thực hiện các dự án đầu tư đúng với các quy định, chế độ về quản lý đầu tư, đấu thầu của Nhà nước.

1.4. Về trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty đã đảm bảo và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm liên quan đối với môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

Trên cơ sở Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, chủ trương của HĐQT, Tổng Giám đốc đã xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động, đề ra các giải pháp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện quản lý sử dụng vốn, tài sản Công ty hiệu quả, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện giao ban hàng tuần, tháng và đột xuất để chỉ đạo triển khai thực hiện các kế hoạch, đồng thời có sự phối hợp, quan hệ tốt với HĐQT.

Tổng Giám đốc đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong quản lý và điều hành. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ theo sự phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Kế hoạch SXKD và tài chính năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	43.726,0
	<i>Giá trị sản xuất nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>34.275,9</i>
	<i>Giá trị xây lắp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>9.000,0</i>
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	289.563,9
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	25.486,0
4	Trả nợ dự án CP2	Triệu đồng	47.388
5	Lao động bình quân	Người	254
6	Sản lượng nước sản xuất	m ³	23.150,6
7	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	20.487,8
8	Tỷ lệ thất thoát	%	11,50
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	10.837,9

3.2. Kế hoạch năm 2026:

Theo khoản 5.2 mục I, Báo cáo này.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

-Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh đảm nhiệm	Số CP và Tỷ lệ sở hữu CP	Chức danh tại Công ty khác
1	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	8.400 CP (tỷ lệ 0,075%)	
2	Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	20.600 CP (tỷ lệ 0,184%)	
3	Trần Duy Thập	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/12/2025)	5.000 CP (tỷ lệ 0,045%)	Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Xây dựng Cấp nước Vĩnh Phúc (đã miễn nhiệm 01/10/2025), Giám đốc CTCP cấp nước SETFIL VP
4	Lê Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	44.300 CP (tỷ lệ 0,396%)	Giám đốc CTCP Đầu tu Xây dựng Cấp nước Vĩnh Phúc
5	Vũ Xuân Phương	Thành viên HĐQT	1.900 CP (tỷ lệ 0,017%)	

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ hàng quý. Những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty đều được Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc báo cáo HĐQT xem xét quyết định.

+ Các cuộc họp HĐQT đều được trao đổi, bàn bạc dân chủ, thẳng thắn và có Biên bản, Nghị quyết cuộc họp.

+ Các thành viên HĐQT về cơ bản được thông tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động của Công ty. Quan hệ giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc là quan hệ hợp tác trên cơ sở thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty CP cấp thoát nước số I Vĩnh Phúc.

+ HĐQT đã xây dựng Chương trình, Kế hoạch công tác, Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT và các thành viên trong Ban Giám đốc điều hành, xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT.

+ Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua 12 Nghị quyết/Quyết định HĐQT. Danh sách và nội dung các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2025 đã được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không có.

2. Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức danh đảm nhiệm	Số CP và Tỷ lệ sở hữu CP
1	Quách Việt Hùng	Trưởng BKS	1.500 CP (tỷ lệ 0,013%)
2	Nguyễn Thị Thúy	Thành viên BKS	2.500 CP (tỷ lệ 0,022%)
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên BKS	2.800 CP (tỷ lệ 0,025%)

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Xem xét tính phù hợp trong các quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc; Định kỳ kiểm tra báo cáo tài chính quý, cả năm để đảm bảo phản ánh các báo cáo đó đầy đủ kịp thời;

+ Kiểm tra công tác kế toán thống kê và báo cáo tài chính; công tác đầu tư; công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các hồ sơ tài liệu khác;

+ Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Ban Giám đốc. Xem xét báo cáo kiểm toán tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán Vaco thực hiện năm 2025;

+ Giám sát Ban Giám đốc trong việc thực thi những kiến nghị của kiểm toán.

+ Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2025:

3.1. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:
Không có

3.2. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Giao dịch này đã được Báo cáo tại mục VII.2 Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và đã được công bố thông tin theo quy định.

3.3. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn tuân thủ quy định về quản trị công ty, tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đồng thời Công ty cũng luôn chú trọng việc nâng cao công tác quản trị, luôn cập nhật hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế trong công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với quy định quản trị của công ty đại chúng.

3.4. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2025:

TT	Họ và tên	Chức danh đảm nhiệm	Thù lao (đồng)	Tiền lương, tiền thưởng (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	633.293.200	669.293.200
2	Nguyễn Văn Khánh	Phó CT HĐQT kiêm TGD	36.000.000	487.742.000	523.742.000
3	Trần Duy Thập	TV HĐQT kiêm P.TGD (Miễn nhiệm ngày 01/12/2025)	36.000.000	425.406.500	461.406.500
4	Lê Thị Kim Thanh	TV HĐQT kiêm P.TGD	36.000.000	404.357.500	440.357.500
5	Bùi Thị Thuý Ngọc	Phó Tổng giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/12/2025)		412.486.000	412.486.000
6	Vũ Xuân Phương	TV HĐQT	36.000.000	227.566.000	263.566.000
7	Quách Việt Hùng	Trưởng BKS	36.000.000	226.231.200	262.231.200
8	Nguyễn Thị Thúy	TV BKS	12.000.000	189.459.400	201.459.400
9	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	TV BKS	12.000.000	200.625.500	212.625.500

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

